

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày: 09-4- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Thuý;

Ông Trần Đình Phấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Đức T, sinh năm 1976; nơi cư trú: **Thôn H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông **Phạm Khắc K** và bà **Vũ Thị R**; có vợ là **Phạm Thị H**; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/12/2023 đến ngày 28/12/2023 chuyển tạm giam; “có mặt”;

- **Người chứng kiến:** Anh **Nguyễn Văn B**; “vắng mặt”;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 45 phút ngày 20/12/2023, **Phạm Đức T** một mình đi bộ từ nhà ở **thôn H, xã X, huyện X** đến khu vực **thị trấn X, huyện X** để tìm mua ma túy sử dụng cho bản thân. Khi đến khu vực **tổ E, thị trấn X, huyện X**, **T** gặp một người phụ nữ không rõ tên tuổi, địa chỉ. Qua dò hỏi biết người này có ma túy bán, **T** hỏi mua 200.000 đồng Heroine, người phụ nữ đồng ý, nhận tiền rồi đưa lại cho **T** 01 gói giấy bạc màu trắng bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng. Thiệt xác định là **H1**, cầm trong lòng bàn tay phải rồi đi tìm nơi sử dụng.

Khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày, khi **T** đang đi trên đường thuộc **tổ E, thị trấn X** thì bị Tổ công tác **Công an huyện X** đang làm nhiệm vụ phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu kiểm tra. Thiệm tự giác giao nộp cho Tổ công tác 01 gói nhỏ vừa mua và khai là Heroine. Tổ công tác đã mời người chứng kiến, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ 01 gói nhỏ Thiệm nộp ký hiệu là M.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã khám xét khẩn cấp nơi ở của **Phạm Đức T** nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Kết quả xét nghiệm định tính Morphin ngày 20/12/2023 của **Trung tâm y tế huyện X** xác định: **Phạm Đức T** dương tính với M.

Ngày 21/12/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện X** đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với mẫu M. Tại bản kết luận giám định số 85/KL-KTHS ngày 27/12/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh N** kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 01 gói giấy bạc nhỏ màu trắng trong phong bì thư được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Heroine. Khối lượng mẫu M: 0,135 gam.

Tại Cơ quan điều tra, **Phạm Đức T** đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Cáo trạng số 10/CT-VKSXT ngày 15/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố bị cáo **Phạm Đức T** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường luận tội, đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt chính: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo **Phạm Đức T** đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Đức T** từ 01 năm 10 tháng đến 02 năm tù;

Về hình phạt bổ sung: Hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, cho tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của bị cáo.

Bị cáo không tự bào chữa, tranh luận gì.

Trong lời nói sau cùng bị cáo tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, kết hợp với kết luận giám định về số ma túy thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 20/12/2023, tại khu vực tổ E, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định, Phạm Đức T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,135 gam Heroine với mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện bắt quả tang. Vì vậy, hành vi của Phạm Đức T đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về các chất gây nghiện, tiếp tay cho tệ nạn mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy, một hiểm họa lớn cho toàn xã hội, là nguồn gốc phát sinh nhiều loại tội phạm như: Trộm cắp tài sản, cướp tài sản,... làm tan vỡ hạnh phúc bao gia đình. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội; là người nghiện ma túy nên bị cáo đã thấu hiểu được tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình tàng trữ để sử dụng cho bản thân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo theo quy định của pháp luật hình sự để răn đe và phòng ngừa.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ hành vi cũng như theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới đủ tác dụng trừng trị, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế của bị cáo khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng thu giữ: Số ma túy đã thu giữ của bị cáo là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[8] Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho bị cáo **T**, bị cáo **T** khai không biết tên, tuổi, địa chỉ ngoài ra không còn nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra **Công an huyện X** không đủ căn cứ để xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo **Phạm Đức T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;
- Xử phạt bị cáo **Phạm Đức T** 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2023.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy số ma túy trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 85/KL-KTHS của **Phòng K1 Công an tỉnh N**.

(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 33/CCTHA ngày 26/3/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện X** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo **Phạm Đức T** phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- UBND xã Xuân Ngọc;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Phạm Văn Thung